

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 184/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-11-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần giải quyết vụ án dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 671/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số F đường H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số G khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ngày 01 tháng 11 năm 2024 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 22/8/2024 nguyên đơn bà Phan Thị Bích L thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông H tự quen biết, đến năm 2018 bà và ông H tiến tới hôn nhân, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc đến giữa năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn không

thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Minh H. Bà và ông H không có con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời gian chung sống.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Trần Minh H vắng mặt không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông H. Ông H có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ; các đương sự đều có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng nên Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Bà L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện sống chung từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài và hôn nhân của ông bà không hợp pháp nên bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Xét thấy, bà L và ông H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-KSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là vợ chồng.

[3.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời gian sống chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, Điều 317, 320, 321 và Điều 322 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Bích L và ông Trần Minh H là vợ chồng.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời gian chung sống: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001510, ngày 07/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

4/ Về quyền kháng cáo: Bà L, ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bé Thu